TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 336/2024/HC-PT
Ngày: 29-8-2024
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Võ Ngọc Thông**
Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Tấn Long**
ông **Phạm Ngọc Thái**

- Thư ký phiên tòa: bà **Văn Thị Mỹ Thảo**, Thư ký Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà*:** ông **Đoàn Minh Lộc** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý 208/2024/TLPT-HC ngày 22 tháng 7 năm 2024 về việc: *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2024/HC-ST ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1629/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* bà Y R, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ dân phố D, thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Lê Ngô T thuộc Đoàn Luật sư thành phố H. Có mặt.

- *Người bị kiện:* Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K.

Địa chỉ: Tầng E – Tòa nhà B khu hành chính công tỉnh Kon Tum.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn L, Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: ông A B, Chức vụ: Phó Giám đốc

Địa chỉ công tác: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh K.

Địa chỉ: F N, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Người đại diện theo pháp luật: bà Trần Thị Đ – Chức vụ: Giám đốc. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông Vũ Đức N - Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện K. Có mặt.

2. Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Kon Tum.

Địa chỉ: đường N, TT. M, huyện K, tỉnh Kon Tum.

Người đại diện theo pháp luật: ông Đặng Quang H – Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Thành D – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện K . Có mặt.

3. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện K, tỉnh Kon Tum.

Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Thành D – Trưởng phòng.

Địa chỉ: đường N, TT. M, huyện K, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

4. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K, tỉnh Kon Tum.

Người đại diện theo pháp luật: ông Vũ Đức N - Giám đốc Chi nhánh. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông Vũ Tấn T1 – Nhân viên.

Địa chỉ: đường N, TT. M, huyện K, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

5. Bà Nguyễn Thị Thu B1 và ông Trần Minh T2.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố D, TT. M, huyện K, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

6. Ông Tống Văn C; Địa chỉ: Thôn A, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

7. Ông A R1, bà Y N1; Cùng địa chỉ: Tổ dân phố D, thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

8. Ông A N2; Địa chỉ: Tổ dân phố D, thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 09/8/2023; Đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung đề ngày 26/10/2023 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa của người khởi kiện có nội dung như sau:

Năm 2000, bà Y R sinh sống tại thôn K, xã M, huyện K, tỉnh Kon Tum. Đến năm 2009 Ủy ban nhân dân huyện K có chủ trương và kêu gọi hiến đất để xây làng nghề Kon Năng, đổi lại nhà nước sẽ hỗ trợ di dời, chuẩn bị mặt bằng chỗ ở mới và chuẩn bị hệ thống điện nước để các hộ di dời ổn định cuộc sống. Tháng 9/2009, gia đình bà Y R và bốn gia đình khác di dời và cấp cho gia đình Y R khoảng hơn 400 m2 đất để làm nhà ở cách chỗ cũ khoảng 200m, Chủ tịch UBND xã M có hứa sẽ phối hợp với các phòng ban cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Viết tắt là GCNQSD đất) cho từng hộ gia đình.

Ngày 15/11/2009, bà Y R mua thêm bên cạnh khoảng hơn 02 sào đất của vợ chồng ông A R1, bà Y N1 (bằng giấy viết tay) có xác nhận của người làm chứng để làm vườn và kho chứa lúa, tại thời điểm mua đất có ranh giới cụ thể, không có tranh chấp với ai. Sau khi nhận phần đất do Nhà nước chỉ định và mua thêm từ ông A R1, bà Y R tiến hành dựng nhà sàn bằng gỗ sinh sống ổn định cho tới nay.

Phần đất bà Y R mua của ông A R1, bà Y N1 đã được UBND huyện K cấp GCNQSD đất số BG 673636, số vào sổ cấp GCN: CH 00336 cho ông A R1, bà Y N1 vào ngày 19/12/2011. A R1, Y N1 đã giao GCNQSD đất bản gốc cho Y R sử dụng. Đến cuối năm 2018, bà Y R đã đập bỏ nhà sàn, xây dựng lại căn nhà trên đất để ở ổn định và được nhà nước cấp điện, nước, sổ hộ khẩu…

Đối với diện tích đất của ông Tống Văn C nhận chuyển nhượng từ ông A T3 được cấp GCNQSD đất từ năm 1999, phần đất này chỉ liền kề mà không chồng lấn lên bất kỳ đoạn nào đối với phần đất của bà Y R đang sử dụng. Tuy nhiên, khi cấp đổi, tách thửa thì ngày 17/9/2019, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K cấp GCNQSD đất số CT 179140, số vào sổ cấp GCN: CS 03349, diện tích 9.262,4 m2, số thửa 27, tờ bản đồ số 30 cho ông Tống Văn C. Đến ngày 19/9/2019 chuyển nhượng toàn bộ thửa đất cho bà Nguyễn Thị Thu B1. Diện tích của GCNQSD đất này bao trùm toàn bộ diện tích đất của gia đình bà Y R và một phần diện tích đất gia đình bà Y R mua từ vợ chồng ông A R1, bà Y N1 đã cấp GCNQSD đất trước đó.

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K cấp GCNQSD đất cho ông Tống Văn C đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà Y R, không đúng hiện trạng sử dụng và không đúng theo trình tự quy định của pháp luật.

Do đó, nay bà Y R khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy GCNQSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 179140, số vào sổ cấp

GCN: CS 03349 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh K cấp ngày 17/9/2019 cho ông Tống Văn C.

Hủy nội dung biến động về chuyển nhượng toàn bộ thửa đất cho bà Nguyễn Thị Thu B1 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K ký ngày 19/9/2019.

Người bị kiện Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh K **có nội dung như sau:**

1. Trình tự thủ tục và căn cứ pháp lý cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 179140 cho ông Tống Văn C.

Ông Tống Văn C được UBND huyện K ký cấp GCNQSD đất số P 057669, số vào sổ cấp GCN: 0196. QSDĐ/ số 11/QĐUB (II) ngày 13/6/1999 tại thửa đất số 3, tờ bản đồ số 6 với diện tích 7.020 m2 và thửa đất số 4, tờ bản đồ số 6 với diện tích 12.006m2, mục đích sử dụng: CN, địa chỉ thửa đất tại xã M, huyện K, tỉnh Kon Tum (nay là Thôn M, thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum).

Ngày 11/9/2019, ông C nộp hồ sơ đề nghị cấp đổi GCNQSD đất, thành phần hồ sơ gồm: Đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; GCNQSD đất số P 057669, số vào sổ cấp GCN: 0196.0SDĐ/ số 11/QĐUB (H) do UBND huyện K ký cấp ngày 13/6/1999 cho ông C tại thửa đất số 3, tờ bản đồ số 6 với diện tích 7.020 m2 và thửa đất số 4, tờ bản đồ số 6 với diện tích 12.006m2, mục đích sử dụng: CN, địa chỉ thửa đất tại xã M, huyện K, tỉnh Kon Tum (nay là Thôn M, thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum)

Trên cơ sở đề nghị của công dân, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện K đã phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện K, UBND thị trấn M, ông C, chủ sử dụng đất liền kề tiến hành kiểm tra thực địa, đối chiếu với bản đồ địa chính đã được đo đạc, nghiệm thu phê duyệt và rà soát các tài liệu có liên quan xác định hình thể, diện tích của 02 thửa đất có sự biến động, thay đổi giảm, cụ thể:

+ Thửa đất số 3, tờ bản đồ số 6 với diện tích 7.020 m2 thay đổi thành thửa đất số 26, tờ bản đồ số 30 với diện tích 1.933,8 m2, diện tích thực tế giảm so với GCNQSD đất đã được UBND huyện K cấp là 5.086,2 m2;

+ Thửa đất số 4, tờ bản đồ số 6 với diện tích 12.006 m2 thay đổi thành thửa đất số 27, tờ bản đồ số 30 với diện tích 9.262,4 m2, diện tích thực tế giảm so với GCNQSD đất đã được UBND huyện K cấp là 2.743,6 m2.

Nguyên nhân giảm diện tích: Tại Biên bản làm việc, liên ngành đã xác định một phần diện tích thửa đất đã được thu hồi, bồi thường giải phóng mặt để xây dựng hạng mục: Đường nội bộ khu dân cư và một phần diện tích thực hiện tái định cư cho 5 hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất.

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, rà soát của liên ngành, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện K hoàn thiện hồ sơ, trình Văn phòng Đăng ký đất đai tham mưu Sở T cấp đổi GCNQSD đất cho ông C theo quy định.

Ngày 17/9/2019, Sở T ký cấp 02 GCNQSD đất cho ông C, cụ thể:

+ GCNQSD đất số CT 179139, số vào sổ cấp GCN: CS03348 tại thửa đất số 26 (03 cũ), tờ bản đồ số 30 (06 cũ) với diện tích 1.933,8 m2, mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất tại Tỉnh lộ 676, thôn M, thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum;

+ GCNQSD đất số CT 179140, số vào sổ cấp GCN: CS03349 tại thửa đất số 27 (04 cũ), tờ bản đồ số 30 (06 cũ) với diện tích 9.262,4 m2, mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất tại Tỉnh lộ 676, thôn M, thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ pháp lý để thực hiện: Căn cứ Điểm k Khoản 1 Điều 99 Luật Đất đai năm 2013 quy định về Trường hợp sử dụng đất được cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: "k) Người sử dụng đất đề nghị cấp đổi hoặc cấp lại Giấy chứng nhận bị mất"; Căn cứ Điểm c Khoản 1 Điều 76 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định về Cấp đổi Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng "c) Do thực hiện đồn điền, đổi thửa, đo đạc xác dịnh lại diện tích, kích thước thưa đất"; Căn cứ Khoản 1 Điều 37 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định về Cơ quan cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất khi người sử dụng đất thực hiện các quyền của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận.

Việc cấp GCNQSD đất cho ông C được thực hiện đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và quy định của pháp luật về đất đai.

2. Về quan điểm đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận.

Căn cứ các quy định pháp luật về đất đai nêu trên, việc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K tham mưu hồ sơ cấp đổi GCNQSD đất và Sở T cấp GCNQSD đất t cho ông C là đúng quy định.

Diện tích thửa đất số 4, tờ bản đồ số 6 sau khi liên ngành đo đạc, kiểm tra thực tế giảm so với GCNQSD đất đã được UBND huyện K cấp là 2.743,6 m2. Đối với nội dung này, các cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương đã kiểm tra, rà soát các tài liệu có liên quan để xác định rõ nguyên nhân (được thể hiện tại Biên bản làm việc trong hồ sơ gửi kèm theo). Hình thể, diện tích thửa đất được cấp đổi phù hợp với bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2000 đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (thửa đất số 27, tờ bản đồ số 30).

Hiện nay, ông C chuyển đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất được cấp cho bà Nguyễn Thị Thu B1. Việc chuyển nhượng được thực hiện đúng, đủ thủ tục và đã được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện K ký xác nhận biến động chuyển quyền do nhận chuyển nhượng trên trang 3 của Giấy chứng nhận số CT 179140. Do đó, việc thu hồi, hủy bỏ GCNQSD đất đã cấp cho ông C là không phù hợp với quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai 2013 quy định về Đính chính, thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp:

"2. Nhà nước thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp trong các trường hợp sau đây:

d) Giấy chứng nhận đã cấp không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng diện tích đất, không đủ điều kiện được cấp, không đúng mục đích sử dụng đất hoặc thời hạn sử dụng đất hoặc nguồn gốc sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai, trừ trường hợp người được cấp Giấy chứng nhận đó đã thực hiện chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật đất đai."

Từ những nội dung nêu trên, yêu cầu khởi kiện bà Y R là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum căn cứ hồ sơ, tài liệu có liên quan và các quy định của pháp luật để xem xét, giải quyết đề nghị của bà Y R theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

1. Ý kiến của UBND huyện K và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện K:

Về nguồn gốc và quá trình cấp đổi GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Tống Văn C.

- Ngày 13/6/1999, ông C được UBND huyện K ký cấp GCNQSD đất số P 057669, số vào sổ cấp GCN: 0196.QSDĐ/ số 11/QĐUB (H) tại thửa đất số 3, tờ bản đồ số 6 với diện tích 7.020 m2 và thửa đất số 4, tờ bản đồ số 6 với diện tích 12.006 m2, mục đích sử dụng: CN, địa chỉ thửa đất tại tại xã M, huyện K, tỉnh Kon Tum (nay là Thôn M, thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum).

- Ngày 11/9/2019, ông C nộp hồ sơ đề nghị cấp đổi GCNQSD đất, thành phần hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 057669, số vào sổ cấp GCN: 0196.QSDĐ/ số 11/QĐUB (H) do UBND huyện K ký cấp ngày 13/6/1999 cho ông C tại thửa đất số 3, tờ bản đồ số 6 với diện tích 7.020m2 và thửa đất số 4, tờ bản đồ số 6 với diện tích 12.006m2, mục đích sử dụng: CN, địa chỉ thửa đất tại

tại xã M, huyện K, tỉnh Kon Tum (nay là Thôn M, thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum);

- Trên cơ sở đề nghị của công dân, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện K đã phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện K, UBND thị trấn M, ông C, chủ sử dụng đất liền kề tiến hành kiểm tra thực địa, đối chiếu với bản đồ địa chính đã được đo đạc, nghiệm thu phê duyệt và rà soát các tài liệu có liên quan xác định hình thể, diện tích của 02 thửa đất có sự biến đọng, thay đổi giảm, cụ thể:

+ Thửa đất số 3, tờ bản đồ số 6 với diện tích 7.020m2 thay đổi thành thửa đất số 26, tờ bản đồ số 30 với diện tích 1.933,8m2, diện tích thực tế giảm so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được UBND huyện K cấp là 5.086,2m2;

+ Thửa đất số 4, tờ bản đồ số 6 với diện tích 12.006m2 thay đổi thành thửa đất số 27, tờ bản đồ số 30 với diện tích 9.262,4m2, diện tích thực tế giảm so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được UBND huyện K cấp là 2.743,6m2;

Nguyên nhân giảm diện tích: Một phần diện tích thửa đất đã được thu hồi, bồi thường giải phóng mặt để xây dựng hạng mục: Đường nội bộ khu dân cư và một phần diện tích thực hiện tái định cư cho 5 hộ gia đình, cá nhân bị hồi đất.

- Trên cơ sở kết quả kiểm tra, rà soát của liên ngành, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện K hoàn thiện hồ sơ, trình Văn phòng Đăng ký đất đai tham mưu Sở T cấp đổi GCNQSD đất cho ông C theo quy định.

- Ngày 17/9/2019, Sở T ký cấp 02 GCNQSD đất cho ông C, cụ thể:

+ GCNQSD đất số CT 179139, số vào sổ cấp GCN: CS03348 tại thửa đất số 26 (03 cũ), tờ bản đồ số 30 (06 cũ) với diện tích 1.933,8m2, mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất tại Tỉnh lộ 676, Thôn M, thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum;

+ GCNQSD đất số CT 179140, số vào sổ cấp GCN: CS03349 tại thửa đất số 27 (04 cũ), tờ bản đồ số 30 (06 cũ) với diện tích 9.262,4m2, mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất tại Tỉnh lộ 676, Thôn M, thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum.

Hồ sơ đăng ký, cấp GCNQSD đất cho bà Nguyễn Thị Thu B1 do nhận chuyển nhượng toàn phần quyền sử dụng đất.

- Ngày 19/9/2019, bà Nguyễn Thị Thu B1 nộp hồ sơ đăng ký, cấp GCNQSD đất do nhận chuyển nhượng toàn phần quyền sử dụng đất của ông C, hồ sơ gồm:

+ Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất (mẫu số 09/ĐK);

+ GCNQSD đất số CT 179140, số vào sổ cấp GCN: CS03349 do Sở T cấp ngày 17/9/2019 cho ông Tống Văn T4 tại thửa đất số 27 (04 cũ), tờ bản đồ số 30 (06 cũ) với diện tích 9.262,4m2, mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất tại Tỉnh lộ 676, Thôn M, thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum;

+ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng là ông Tống Văn T4 và vợ là bà Lê Thị C1 với bên nhận chuyển nhượng là bà Nguyễn Thị Thu B1 đã được Ủy ban nhân dân thị trấn M chứng thực ngày 18/9/2019 (Số: 556, quyển số 01 TP/CC-SCT/HĐGD);

- Ngày 20/9/2019, sau khi người sử dụng đất hoàn thành nghĩa vụ tài chính, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện K hoàn thiện hồ sơ, ký xác nhận biến động chuyển quyền do nhận chuyển nhượng trên trang 3 của Giấy chứng nhận số CT 179140.

Từ những nội dung nêu trên, đối với yêu cầu khởi kiện của bà Y R, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum căn cứ hồ sơ, tài liệu có liên quan và các quy định của pháp luật để xem xét, giải quyết đề nghị của bà Y R theo quy định.

2. Ý kiến của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh K và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K: Cũng với các nội dung như ý kiến trình bày của UBND huyện K và Phòng TNMT huyện và xác định yêu cầu khởi kiện của bà Y R là không có cơ sở.

3. Ý kiến ông Tống Văn C:

Năm 2018 ông C đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Thu B1 và ông Nguyễn Văn C2 toàn bộ diện tích đất của GCNQSD đất số P 057669, số vào số GCN: 0196. QSDD/số 11/QĐUB (H) ngày 13/6/1999 tại thửa đất số 3, 4 của tờ bản đồ số 6, tổng diện tích 19.026 m2, UBND huyện K cấp ngày 13/6/1999. Khi năm 2018 ông C chuyển nhượng cho ông C2 và bà B1 thì có viết giấy tay và có ghi nội dung bán toàn bộ diện tích đất trong sổ đỏ của ông C trừ phần diện tích nhà nước làm đường. Đối với Giấy chứng nhận QSD đất số CT 179140, số vào sổ GCN: CS 003349, tờ bản đồ số 30, thửa đất số 27, diện tích 9262,4 m2 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K cấp ngày 17/9/2019 mang tên Tống Văn C thì ông C không biết nguồn gốc từ đâu, ông C chỉ có 01 GCNQSD đất số P 057669, số vào số GCN: 0196.QSDD/số 11/QĐUB(H) ngày 13/6/1999 tại thửa đất số 3, 4 của tờ bản đồ số 6, tổng diện tích 19.026 m2, UBND huyện K cấp ngày 13/6/1999 cho ông C.

Ông C không đề nghị được cấp lại, cấp đổi GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất nhưng trong khoảng thời gian năm 2019, bà Nguyễn Thị Thu B1 và ông Nguyễn Văn C2 có đưa cho ông C giấy tờ gì đó nhờ ông C ký lại để làm thủ tục chuyển nhượng đất, ông C ký và không nắm nội dung bên trong. Việc có ai thực hiện đo đạc, cơ quan chuyên môn có tham gia,

có người chứng kiến, việc các hộ dân có ký giáp ranh thì ông C không biết có hay không.

4. Ý kiến của bà Nguyễn Thị Thu B1 và ông Trần Minh T2:

Vợ chồng bà Nguyễn Thị Thu B1 và ông Trần Minh T2 đã có GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Tống Văn C chuyển nhượng cho ông, bà vào ngày 20/9/2019 được cơ quan có thẩm quyền xác nhận. Nếu thửa đất của ông T2, bà B1 địa chính đo nhầm chồng lên đất của chủ khác thì ông, bà xin trả lại. Còn nếu ai đó làm nhà trên đất của ông, bà thì nhờ cơ quan có thẩm quyền lấy lại trả để ông, bà sản xuất lo kinh tế cho gia đình.

Tổng diện tích đất 19.026 m2 ông C chuyển nhượng cho hai người. Một là vợ chồng bà T5 Ba diện tích 12.005 m2 và ông Nguyễn Văn C2 là 7020 m2. Chuyển nhượng viết giấy bằng tay là chuyển nhượng theo bìa đỏ và trừ đi diện tích làm đường. Khi ông C chuyển nhượng đất cho ông T2, bà B1 thì đất đã có thu hồi, bồi thường, muốn làm lại GCNQSD đất phải làm thủ tục cấp lại bìa cho ông C, sau đó mới làm thủ tục chuyển nhượng đất cho ông T2, bà B1 được.

5. Ý kiến của ông A R1 và bà Y N1:

Vào ngày 15/11/2009, vợ chồng A R1, Y N1 có chuyển nhượng đất rẫy tại thôn K, xã M, huyện K, tỉnh Kon Tum cho bà Y R, diện tích khoảng hơn 02 sào, giá chuyển nhượng là 75.000.000 đồng. Nguồn gốc thửa đất này là do bố mẹ tên A N3, Y N4 để lại, hiện bố mẹ đã chết. Trước khi A R1, Y N1 chuyển nhượng cho Y R đất chưa được cấp GCNQSD đất. Quá trình chuyển nhượng đất giữa vợ chồng A R1, Y N1 và Y R có lập giấy viết tay, có ký tên hai bên và xác nhận của người làm chứng, tuy nhiên chưa thực hiện việc công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật. GCNQSD đất số BG 673636, số thửa 08, tờ bản đồ số 12 tại thôn K, xã M, diện tích 2170,5 m2 do Ủy ban nhân dân huyện cấp ngày 19/12/2011 cho vợ chồng A R1, Y N1, đây là thửa đất đã chuyển nhượng cho Y R vào ngày 15/11/2009. Lý do sau khi chuyển nhượng vợ chồng A R1, Y N1 vẫn làm thủ tục để cấp GCNQSD đất là do bà Y R vẫn để cho vợ chồng A R1, Y N1 trồng mì trên đất, thủ tục chuyển nhượng giữa hai bên bằng giấy viết tay, hồ sơ đăng ký tại xã vẫn còn tên của A R1.

Những người làm chứng:

- Ông A R2; Ông A R3 trình bày: các ông bà là những người sinh sống cùng Y R tại tổ dân phố D, thị trấn M, thấy năm 2009 Y Ró làm nhà sàn, kho lúa tại chỗ đất được nhà nước di dời và sinh sống tại đây đến năm 2018 Y R xây lại nhà mới ở ổn định đến nay không ai tranh chấp.

- Ông A D1; bà Y M (vợ ông A N5); bà Y B2 (vợ ông A N6); bà Y H1 (vợ ông A N7) trình bày: các ông bà là những người được nhà nước di dời cùng thời điểm với Y R năm 2009, sau đó 4 hộ được nhà nước chỉ đất ở cùng 1 dãy, riêng Y R do hết đất nên nhà nước chỉ Y R sang ở đối diện. Y R cùng 4 hộ đã làm nhà sàn, kho lúa từ năm 2009 ở ổn định đến nay không ai tranh chấp.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2024/HC-ST ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum đã quyết định:

Căn cứ Điều 30; Điều 32; Điều 158; khoản 1, 2 Điều 193 Luật tố tụng Hành chính năm 2015; Điều 100 và Điều 106 Luật đất đai năm 2013; Khoản 1 Điều 76 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 được sửa đổi bởi khoản 24 Điều 1 Nghị định 148/2020 ngày 18/12/2020 của Chính phủ. **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Y R đề ngày 09/8/2023 và đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung đề ngày 26/10/2023 đối với Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh K về việc "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*".

Hủy Giấy CNQSDĐ số CT 179140, số vào sổ GCN số CS 03349, thửa đất số 27, tờ bản đồ số 30 (thửa số 3, tờ bản đồ số 6 năm 1999), diện tích 9262,4 m^2, địa chỉ: Tỉnh lộ 676, thôn M, thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh K cấp ngày 17/9/2019 cho ông Tống Văn C.

Hủy các Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý: Ngày 19/9/2019, Chuyển nhượng toàn bộ thửa đất cho bà Nguyễn Thị Thu B1, CMND 233050775. HKTT: Thôn M, thị trấn M, huyện K; Ngày 20/9/2019, thay đổi (thửa đất số 3, tờ bản đồ số 6 năm 1999) thành (thửa số 4, bản đồ số 6 năm 1999) thay đổi ngày xác nhận chuyển nhượng từ ngày 19/9/2019 thành ngày 20/9/2019; Ngày 02/11/2021, đổi tên địa chỉ thường trú từ thôn M, TT M, huyện K, tỉnh Kon Tum. Đổi tên địa chỉ thửa đất từ TL 676, thôn M, TT M thành số 134 đường V, TDP4, TT M, huyện K, tỉnh Kon Tum. Người sử dụng đất thay đổi giấy CMND số 233050775 thành CCCD số 051168017686 cấp tại Cục C3 về TTXH. Tất cả đều do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K ký xác nhận nội dung thay đổi.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/6/2024 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K có Đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của ông A B đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K: ông A B vẫn giữ nguyên quan điểm như phần trình bày tại nội dung vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K, sửa bản án hành chính sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của bà Y R.

Ý kiến của bà Trần Thị Đ, ông Lê Thành D, ông Vũ Tấn T1 bà Nguyễn Thị Thu B1 và ông Trần Minh T2: thống nhất như trình bày của ông A B.

Ý kiến của Luật sư Lê Ngô T: Việc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K cấp đổi lại GCNQSD đất số CT 179140, ngày 17/9/2019 cho ông Tống Văn C đã chồng lấn lên phần đất của bà Y R đang sử dụng, ảnh hưởng đến quyền lợi của bà. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Tại phiên toà phúc thẩm vắng mặt một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, tuy nhiên việc vắng mặt những người này cũng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và trình bày của đương sự tại phiên toà, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, ông Tống Văn C ông A R1 và bà Y N1; tuy nhiên Tòa án đã gửi giấy triệu tập hợp lệ cho các đương sự và tại phiên tòa tất cả các đương sự đều đề nghị xét xử vắng mặt những người này. Hội đồng xét xử xét thấy, việc xét xử vắng mặt những người này cũng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, do đó tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K, Hội đồng xét xử nhận thấy: về nguồn gốc đất của bà Y R: vào đầu năm 2009, UBND huyện K có chủ trương và kêu gọi hiến đất để xây dựng làng nghề Kon Năng .

Tháng 9/2009, gia đình bà Y R di dời đến nơi ở mới hiện tại là trên thửa đất số 04, tờ bản đồ số 06; địa chỉ: Thôn A, thị trấn K, huyện K đã bị ảnh hưởng bởi GCNQSD đất của ông Tống Văn C khi cấp đổi lại GCNQSD đất cho ông C vào năm 2019 chồng lấn lên một phần. Tại Biên bản làm việc ngày 28/5/2024 giữa Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum và các cơ quan liên quan tại huyện K, UBND huyện và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện cũng như ý kiến tại phiên tòa sơ thẩm xác định: bà Y R thuộc đối tượng di dời theo chủ trương của huyện và được cấp đất tái định cư nhưng diện tích đất mà bà Y R đang sử dụng (trừ diện tích nhận chuyển nhượng của A R1) thì UBND huyện không giao đất cho bà Y R chỗ đất đang ở hiện tại. Tuy nhiên, những hộ cùng được cấp tái định cư với bà Y R đều trình bày bà Y R được cấp đất tái định cư đối diện với họ và sử dụng ổn định từ năm 2009, không xảy ra tranh chấp gì. Hiện nay bà Y R chưa được cấp GCNQSD đất đối với diện tích trên.

[3] Xét về nguồn gốc đất của ông Tống Văn C: ông C được UBND huyện K cấp GCNQSD đất số P057669, ngày 13/6/1999 tại thửa đất số 3, tờ bản đồ số 6 với diện tích 7.020 m^2 và thửa đất số 4, tờ bản đồ số 6 với diện tích 12.006m^2 tại xã M, huyện K (BL 85). Ngày 11/9/2019, ông C có Đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất với lý do đề nghị: hình thể thửa đất thay đổi do nhận đền bù 2.391 m^2, hình thể thửa đất thay đổi so với năm 1999. Ngày 17/9/2019, Sở T ký cấp 02 GCNQSD đất cho ông C, gồm: Giấy CNQSDĐ số CT 179139, số vào sổ cấp GCN: CS03348 tại thửa đất số 26 (03 cũ), tờ bản đồ số 30 (06 cũ) với diện tích 1.933,8 m^2 và Giấy CNQSDĐ số CT 179140, số vào sổ cấp GCN: CS03349 tại thửa đất số 27 (04 cũ), tờ bản đồ số 30 (06 cũ) với diện tích 9.262,4 m^2, đều là đất trồng cây lâu năm. Ngày 20/9/2019, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K ký xác nhận thay đổi ông C chuyển nhượng toàn bộ thửa đất cho bà Nguyễn Thị Thu B1. Nhưng theo lời khai của ông C thì ông không yêu cầu cấp đổi, cấp lại, ông không tham gia cùng các ban ngành để xác định vị trí cấp đổi lại GCNQSD đất năm 2019.

[4] Xét về nguồn gốc đất của ông A R1 và bà Y N1: nguồn gốc thửa đất 2.170,5 m^2 của ông A R1 và bà Y N1 là do bố mẹ của ông A R1 tặng cho. Vào ngày 15/11/2009, khi chưa được cấp GCNQSD đất ông A R1, bà Y N1 đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích này cho bà Y R bằng giấy viết tay có xác nhận của người làm chứng. Đến ngày 19/12/2011 ông A R1, bà Y N1 được Ủy ban nhân dân huyện K cấp GCNQSD đất số BG 673636, số thửa 08, tờ bản đồ số 12 tại thôn K, xã M, diện tích 2.170,5 m^2; sau đó ông, bà đã giao GCNQSD đất bản gốc cho bà Y R cất giữ.

[5] Qua xem xét GCNQSD đất đã cấp cho ông A R1 và bà Y N1 nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: tại Tờ bản đồ địa chính số 06 năm 1999 thể hiện địa

giới hành chính của xã M (BL 305) và Tờ bản đồ số 30 năm 2017 (BL 306) thể hiện địa giới hành chính của xã Đ nay là thị trấn M đều không thể hiện diện tích đất Thửa số 08 nhưng phần diện tích đất trên được thể hiện UBND huyện K cấp cho ông A R1 và bà Y N1 có trong Quyết định số 1946/QĐ-UBND ngày 19/12/2011 về việc cấp GCNQSD đất lâm nghiệp cho nhân dân xã M và có trong Sổ địa chính, Sổ mục kê của xã M (BL 159, 152). Đến ngày 17/9/2019, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K cấp đổi lại GCNQSD đất cho ông C. Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và sơ đồ đo vẽ vị trí các thửa đất ngày 15/01/2024 của Tòa án cấp sơ thẩm thể hiện, diện tích đất của GCNQSD đất cấp năm 1999 cho ông C về hình thể khác biệt so với hình thể sau khi được đổi lại năm 2019; đồng thời, việc cấp đổi lại đã có 1 phần diện tích chồng lấn lên GCNQSD đất cấp cho hộ ông A R1 và bà Y N1. Cụ thể như sau: vị trí tứ cận chồng lấn, diện tích 1.305,5 m^2 như sau: Phía Đông giáp đất bà Y R 34,50 m; giáp đất bà Huỳnh Thị Hồng S 14,69m, Phía Tây giáp đất bà Y R 45,29 m, Phía Nam giáp đất bà Y R 53,25m, Phía Bắc giáp đường bê tông 20,65m.

[6] Đồng thời, tại Biên bản làm việc liên ngành ngày 11/9/2019 (BL 87) thể hiện đã xác định việc kiểm tra thực địa, xác minh vị trí, chiều dài cạnh thửa…của thửa đất đã cấp cho ông C năm 1999, xác định diện tích đất nhận đền bù, xác định diện tích đất còn lại, trên cơ sở đó để cấp đổi lại GCNQSD đất ngày 17/9/2019 cho ông C, nhưng đã bị chồng lấn lên đất đã cấp cho ông A R1 và bà Y N1. Mặc khác, bà Y R đang sinh sống trên đất di dời từ năm 2009 cùng với nhiều tài sản trên đất nhưng Biên bản nói trên không thể hiện tài sản mà bà Y R đã sinh sống, tạo lập tài sản là nhà sàn gỗ trên đất và đến cuối năm 2018 xây dựng nhà ở mới và các tài sản khác trên đất (BL 189, 190). Nội dung này cũng được những người làm chứng đã xác nhận (BL 213-216, 329). Mặc khác, chính ông C đã trình bày, xác nhận ông không đề nghị việc cấp lại, cấp đổi GCNQSD đất, không tham gia việc đo đạc, không chứng kiến sự việc; bà Nguyễn Thị Thu B1 có đưa cho ông một số giấy tờ để ký nhưng ông không rõ nội dung (BL 201; 210). Do đó, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K cấp GCNQSD đất cho ông C đã ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của bà Y R. Toà án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Y R là có căn cứ.

[7] Đối với yêu cầu kháng cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K về chi phí tố tụng là chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 23.450.000đ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 358 và khoản 1 Điều 359 của Luật Tố tụng hành chính, do yêu cầu khởi kiện của bà Y R được chấp nhận nên người bị kiện phải chịu để hoàn trả cho bà Y R toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nộp và chi phí xong.

[8] Từ những phân tích và nhận định như nêu trên, xét thấy, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì mới

để xem xét làm thay đổi nội dung của quyết định bản án sơ thẩm; ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận, bác kháng cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

[9] Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 23.450.000đ, yêu cầu khởi kiện của bà Y R được chấp nhận nên bà Y R không phải chịu, người bị kiện phải hoàn trả cho bà Y R toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ trên.

[10] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của bà Y R được chấp nhận và kháng cáo không được chấp nhận nên Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K phải chịu 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm và 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính.

Áp dụng Điều 100 và Điều 106 của Luật đất đai năm 2013; Khoản 1 Điều 76 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 được sửa đổi bởi khoản 24 Điều 1 Nghị định 148/2020 ngày 18/12/2020 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2024/HC-ST ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Y R đề ngày 09/8/2023 và Đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung đề ngày 26/10/2023 đối với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K về việc "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*".

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 179140, số vào sổ GCN số CS 03349, Thửa đất số 27, Tờ bản đồ số 30 (Thửa số 3, Tờ bản đồ số 6 năm 1999), diện tích 9.262,4 m^2, địa chỉ: Tỉnh lộ 676, thôn M, thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K cấp ngày 17/9/2019 cho ông Tống Văn C.

Hủy các nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý: ngày 19/9/2019, chuyển nhượng toàn bộ thửa đất cho bà Nguyễn Thị Thu B1 CMND 233050775. HKTT: thôn M, thị trấn M, huyện K; ngày 20/9/2019, thay đổi (Thửa đất số 3, Tờ bản đồ số 6 năm 1999) thành (Thửa số 4, Tờ bản đồ số 6 năm 1999) thay đổi

ngày xác nhận chuyển nhượng từ ngày 19/9/2019 thành ngày 20/9/2019; ngày 02/11/2021, đổi tên địa chỉ thường trú từ thôn M, TT M, huyện K, tỉnh Kon Tum. Đổi tên địa chỉ thửa đất từ TL 676, thôn M, TT M thành số 134 đường V, TDP4, TT M, huyện K, tỉnh Kon Tum. Người sử dụng đất thay đổi Giấy CMND số 233050775 thành CCCD số 051168017686 cấp tại Cục C3 về TTXH. Tất cả đều do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K ký xác nhận nội dung thay đổi.

3. Về chi phí tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 358, khoản 1 Điều 359 Luật Tố tụng hành chính Sở T phải chịu; trả lại cho bà Y R số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 23.450.000đ (*Hai mươi ba triệu, bốn trăm năm mười ngàn đồng*)

4. Về án phí: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000033 ngày 04/7/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum.

Hoàn trả lại cho bà Y R 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000009 ngày 26/10/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Long **Phạm Ngọc Thái** **Võ Ngọc Thông**

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- Cục THADS tỉnh Kon Tum;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Ngọc Thông